

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

Số: 3052/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 9 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án thành phần - Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Hà Tĩnh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR);

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1568/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực

hiện dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Văn bản số 961-TB/TU ngày 11/9/2019 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương phê duyệt dự án thành phần Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển của tỉnh Hà Tĩnh”

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 752/TTr-UBND ngày 25/7/2019 về việc phê duyệt dự án thành phần Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Hà Tĩnh; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2120/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 27/8/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án thành phần - Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tên nhà tài trợ: Ngân hàng thế giới (WB).

3. Cơ quan chủ quản ở Trung ương: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Cơ quan chủ quản dự án cấp tỉnh: UBND tỉnh Hà Tĩnh.

5. Chủ đầu tư dự án cấp tỉnh: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh.

6. Địa điểm thực hiện: Tỉnh Hà Tĩnh.

7. Thời gian thực hiện: 06 năm, từ năm 2018 đến 2023.

8. Mục tiêu của Dự án:

a) Mục tiêu tổng thể:

Cải thiện quản lý rừng ven biển nhằm tăng khả năng chống chịu trước bất lợi của các hiện tượng thời-tiết cực đoan và nước biển dâng của vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

Nhằm đóng góp vào chiến lược của Chính phủ Việt Nam và tăng khả năng chống chịu, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng ven biển, cụ thể:

- Sử dụng tiếp cận tiên tiến để tăng cường công tác quy hoạch không gian rừng ven biển.

- Tổ chức quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Áp dụng các biện pháp lâm sinh trong việc trồng, chăm sóc và quản lý rừng hiệu quả để tăng khả năng chống chịu trước các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Tạo các cơ chế khuyến khích hộ gia đình, các cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền địa phương tham gia quản lý và bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên hiện có.

9. Nội dung và kết quả chính:

9.1 Hợp phần 1 - Quản lý hiệu quả từ rừng ven biển: Do Tổng cục Lâm nghiệp trực tiếp thực hiện.

9.2. Hợp phần 2: Phục hồi và phát triển rừng ven biển

a) Tiểu hợp phần 2.1: Trồng và quản lý rừng phòng hộ ven biển mục tiêu.

- Kết quả đầu ra chính:

+ Trồng mới rừng phòng hộ ven biển: Diện tích trồng mới 1.455 ha (trong đó: 194 ha rừng ngập mặn, 1.261 ha rừng ven biển và bán ngập nước ven lòng hồ);

+ Phục hồi rừng phòng hộ ven biển: Diện tích 1.133 ha (trong đó: 194 ha rừng ngập mặn và 939 ha rừng ven biển trên cạn);

+ Bảo vệ rừng ven biển: Diện tích 6.273 ha (trong đó: 141 ha rừng ngập mặn và 6.132 ha rừng trên cạn ven biển);

+ Trồng cây phân tán với số lượng 0,3 triệu cây.

b) Tiểu hợp phần 2.2: Các giải pháp bảo vệ rừng trồng ven biển

- Công trình phụ trợ khác, bao gồm: Bảng nội quy, trạm bảo vệ rừng, đường lâm nghiệp, nâng cấp hệ thống thủy lợi,...

Những công trình này sẽ không được xây dựng trong năm đầu tiên của dự án nhưng cần phải được tích hợp với thiết kế và kế hoạch trồng và phục hồi rừng, việc giám sát và nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

9.3. Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển

a) Tiểu hợp phần 3.1: Các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển

Thực hiện hỗ trợ các gói đầu tư trên cơ sở cạnh tranh cho các hoạt động như: cải thiện, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm nông lâm nghiệp, thủy sản (sản xuất, chế biến), du lịch sinh thái,...

b) Tiểu hợp phần 3.2: Cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ sản xuất theo yêu cầu.

Hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa, dịch vụ từ các khu rừng ven biển cho các xã thuộc tham gia dự án, nhằm tăng lợi ích kinh tế và thiết lập các liên kết các hoạt động tạo thu nhập cho các cộng đồng địa phương tham gia dự án.

9.4. Hợp phần 4: Quản lý, giám sát đánh giá dự án

10. Cơ chế tài chính Dự án

- Cơ chế tài chính áp dụng trong Dự án là Chính phủ hỗ trợ cấp phát một phần và cho vay lại một phần từ nguồn vốn vay ưu đãi của Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA), Ngân hàng Thế giới (WB).

- Ngân sách tình bố trí vốn đối ứng với các nội dung chi thực hiện theo cam kết.

11. Tổng kinh phí thực hiện dự án tại Hà Tĩnh: 20.988.000 USD tương đương 479.261.000.000 VNĐ, trong đó:

a) Nguồn vốn vay IDA: 16.259.000 USD, tương đương 371.274.265.000 VNĐ, trong đó:

- Ngân sách Trung ương cấp phát 100% (Đối với hoạt động trồng mới và phục hồi rừng để góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững): 8.632.000 USD, tương đương 197.088.885.000 VNĐ.

- Ngân sách Trung ương cấp phát 80% (Đối với các hoạt động ngoài hoạt động trồng mới và phục hồi rừng): 6.102.400 USD tương đương 139.348.304.000 VNĐ.

- Vốn do địa phương vay lại Ngân sách Trung ương 20% (Đối với các hoạt động ngoài hoạt động trồng mới và phục hồi rừng): 1.525.600 USD, tương đương 34.837.076.000 VNĐ.

b) Vốn đối ứng: 4.728.000 USD, tương đương 107.963.800.000 VNĐ, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát 100% (Đối với hoạt động trồng mới và phục hồi rừng): 951.000 USD, tương đương 21.693.170.000 VNĐ.

- Vốn ngân sách địa phương: 3.778.000 USD, tương đương 86.270.630.000 VNĐ.

Tổng vốn đầu tư theo nguồn vốn và hợp phần thực hiện tại Hà Tĩnh:

Nội dung thực hiện	TMĐT theo nguồn vốn (1.000 USD)						
	Tổng nguồn vốn	Vốn vay IDA			Vốn đối ứng		
		Tổng	Phân bổ qua Bộ NN và PTNT	Phân bổ trực tiếp về địa phương	Tổng	Phân bổ qua Bộ NN và PTNT	NSĐP
<b>Tổng cộng</b>	20.988	16.259	8.631	7.628	4.728	951	3.778
Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển	10.930	9.466	8.631	835	1.464	951	514
A. Tiêu hợp phần 2.1: Trồng và quản lý rừng phòng hộ ven biển mục tiêu	10.463	9.084	8.631	452	1.380	951	430
B. Tiêu hợp phần 2.2: Các giải pháp bảo vệ rừng trồng ven biển	467	383	-	383	84	-	84
Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển	7.851	6.531	-	6.531	1.320	-	1.320
A. Tiêu HP 3.1: Các gói đầu tư tạo ra những lợi ích từ rừng ven biển	406	-	-	-	406	-	406
B. Tiêu HP 3.2: Công nghệ và cơ sở hạ tầng, phục vụ sản xuất theo yêu cầu	7.446	6.531	-	6.531	915	-	915

Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá dự án	2.206	262	-	262	1.944	-	1.944
A. Giá trị đầu tư	449	262	-	262	187	-	187
B. Chi phí thường xuyên	1.757	-	-	-	1.757	-	1.757

12. Phương án bố trí ngân sách trả nợ vốn vay lại để thực hiện Dự án: Thực hiện theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh:

- Tổ chức thực hiện dự án và các hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành và quy định của Nhà tài trợ.

- Khảo sát cụ thể hiện trạng, phạm vi, diện tích khu vực thực hiện phục hồi và phát triển rừng ven biển đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi dự án đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, không để xảy ra trùng lặp đối với các dự án khác.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND-UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh (chủ đầu tư); Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã (vùng thực hiện dự án) và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

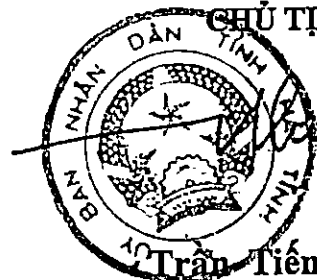
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP (theo dõi NL);
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NL<sub>3</sub>.

*Handwritten signature*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Tiên Hưng